

BÁO CÁO SỰ KIẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Thuế quan Hoa Kỳ và bước ngoặt cạnh tranh chuỗi cung ứng của Việt Nam

Lợi thế vẫn còn, nhưng tỷ lệ nội địa hóa trở thành điều kiện then chốt

07.2026



Chính sách thuế mới của Hoa Kỳ không làm mất lợi thế của Việt Nam, nhưng khiến điều kiện cạnh tranh trở nên khắt khe hơn; khả năng tiếp tục hưởng lợi phụ thuộc ngày càng lớn vào năng lực chứng minh xuất xứ, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa và bảo toàn biên lợi nhuận sau thuế.

Việt Nam vẫn duy trì lợi thế so với Trung Quốc trong xu hướng "Trung Quốc + 1", nhưng mức thuế 12,5% không áp dụng đồng đều đối với toàn bộ hàng xuất khẩu, đồng thời lợi thế của Việt Nam trong ASEAN cũng bị thu hẹp. Cơ hội vẫn nằm ở các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ và FDI chất lượng cao, nhưng chỉ thực sự rõ nét ở các doanh nghiệp chứng minh được xuất xứ và tạo giá trị trong nước; rủi ro tập trung ở ngành ngoài danh mục miễn trừ, biên lợi nhuận thấp và dễ bị dịch chuyển đơn hàng.

01 Thuế quan đã thành rào cản cấu trúc
Điều 301 khiến rủi ro chính sách kéo dài; doanh nghiệp phải tính thuế vào quyết định đầu tư, định giá và thiết kế chuỗi cung ứng.

03 Cạnh tranh ASEAN gay gắt hơn
Việt Nam vẫn có lợi thế hơn Trung Quốc, nhưng bất lợi tương đối so với nhóm 10%; áp lực rõ hơn ở nhóm dệt may, da giày, gỗ và thủy sản.

02 Tác động không đồng đều
Mức 12,5% là mức thuế công bố; Phụ lục I và II – Phần A làm giảm tác động với nhóm điện tử, máy tính, bán dẫn và viễn thông.

04 Lợi thế bền vững là giá trị nội địa
Theo dõi tỷ lệ nội địa hóa, hàm lượng giá trị gia tăng trong nước, nguồn gốc linh kiện và mức độ phát triển của hệ sinh thái nhà cung cấp nội địa.

Ít chịu tác động trực tiếp hơn
Điện tử • Máy tính • Bán dẫn • Viễn thông • Khu công nghiệp • Hạ tầng số

TRUNG TÍNH / CHỌN LỌC
Máy móc • Hóa chất • Nguyên liệu • Phương tiện vận tải: Cần kiểm tra từng mã HTSUS biểu thuế

ÁP LỰC CAO HƠN
Dệt may • Da giày • Gỗ thành phẩm • Thủy sản • Hàng tiêu dùng biên lợi nhuận mỏng

Chính sách Điều 301	Bắt đầu điều tra	Quyết định cuối cùng	Ngày thuế có hiệu lực
Cơ chế cấm nhập hàng liên quan đến lao động cưỡng bức	12/03/2026	23/07/2026	24/07/2026
Dư thừa công suất	11/03/2026	Chưa có	Chưa có ngày hiệu lực
Sở hữu trí tuệ – Việt Nam	29/05/2026	Chưa có	Chưa có ngày hiệu lực

Biện pháp thuế liên quan đến hàng hóa có yếu tố lao động cưỡng bức đã có quyết định cuối cùng

VIỆT NAM
12,5%

Thuế Điều 301 với Việt Nam áp dụng ở mức 12,5%, **nhưng loại trừ sản phẩm thuộc Phụ lục I và Phụ lục II – Phần A.**

CHƯA CHỐT

Hai cuộc điều tra còn lại — dư thừa công suất và sở hữu trí tuệ — chưa có kết luận / biện pháp cuối cùng.

1 | PHÂN NHÓM THUẾ ĐIỀU 301 – CƠ CHẾ CẤM NHẬP HÀNG LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC

Mức áp dụng	Quốc gia
10%	Nhóm 17 nền kinh tế gồm Campuchia, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Sri Lanka, Bangladesh, Canada, Mexico, Vương quốc Anh...
12,5%	Việt Nam thuộc nhóm 12,5%; trong ASEAN còn có Thái Lan, Philippines và Singapore. Trung Quốc chịu thêm các lớp thuế cũ nên mức tổng hợp cao hơn.
Cơ chế MFN(*)	Liên minh châu Âu và Đài Loan được điều chỉnh để tổng thuế đạt 10%; Nhật Bản, Hàn Quốc và Thụy Sĩ được điều chỉnh để tổng thuế đạt 12,5% theo từng mã hàng.
Miễn trừ	Sản phẩm thuộc Phụ lục I và Phụ lục II – Phần A không chịu lớp thuế Điều 301 do cơ chế cấm nhập hàng liên quan đến lao động cưỡng bức.

2 | RỦI RO CHÍNH SÁCH CÒN MỜ

LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC

Đã chốt
Việt Nam: 12,5%
Có miễn trừ Phụ lục I và II – Phần A

DƯ THỪA CÔNG SUẤT

Đang điều tra
Chưa công bố quyết định hành động hoặc mức thuế cuối cùng.

SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Đang điều tra
Điều tra riêng đối với Việt Nam; chưa có biện pháp áp dụng.

Hàm ý: mức 12,5% chưa là mức thuế cuối cùng đối với Việt Nam.

3 | ĐIỀU 232 – KIM LOẠI & NGÀNH CHIẾN LƯỢC

Nhóm	Thuế suất
Kim loại cơ bản	50% với nhiều sản phẩm thép, nhôm và đồng.
Sản phẩm chế biến từ kim loại	25% với nhiều sản phẩm có hàm lượng kim loại lớn.
Máy móc cố định	15% tạm thời với một số máy móc và thiết bị điện công nghiệp.
Ưu đãi hàm lượng Mỹ	10% nếu thiết bị đáp ứng tỷ lệ thép/nhôm sản xuất tại Hoa Kỳ.
Ngành khác	Ô tô, bán dẫn, dược phẩm theo cơ chế riêng; cần đối chiếu mã biểu thuế.

HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1

Mức thuế 12,5% không áp dụng đồng đều
Mức thuế công bố cần điều chỉnh theo danh mục miễn trừ và mã biểu thuế cụ thể.

2

Cạnh tranh ASEAN mạnh hơn
Việt Nam vẫn lợi thế hơn Trung Quốc, nhưng chịu bất lợi tương đối so với nhóm 10%.

3

Rủi ro chính sách còn tiếp diễn
Dư thừa công suất và sở hữu trí tuệ chưa chốt; cần cập nhật theo từng ngành.

(*)MFN là viết tắt của Most-Favoured-Nation, thuế MFN là mức thuế nhập khẩu thông thường mà một quốc gia áp dụng cho hàng hóa từ các thành viên WTO, khi không có ưu đãi đặc biệt từ hiệp định thương mại tự do.

Thuế quan chuyển từ cú sốc ngắn hạn sang rào cản cấu trúc, buộc doanh nghiệp tái thiết kế sản xuất và chứng minh xuất xứ.



Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia có lợi thế dệt may từ cơ chế TRQ gắn với việc sử dụng nguyên liệu Mỹ.

Philippines: chuyên môn hóa trong lắp ráp, đóng gói và kiểm định linh kiện; cạnh tranh với Việt Nam chủ yếu ở nhóm điện tử, ít trực tiếp hơn ở dệt may và da giày.

Thái Lan: Lợi thế nằm ở chuỗi cung ứng công nghiệp tương đối hoàn chỉnh; cạnh tranh thu hút các dự án chế tạo và sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn.

Việt Nam không mất lợi thế Trung Quốc+1, nhưng tiêu chuẩn để tiếp tục hưởng lợi đã cao hơn.

ĐIỀU 301 VỚI VIỆT NAM: 12,5% NHƯNG CÓ MIỄN TRỪ



Mức thuế công bố không áp dụng đồng đều lên toàn bộ hàng xuất khẩu

QUYẾT ĐỊNH VỚI VIỆT NAM

“Áp mức thuế 12,5% đối với hàng hóa của Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp được quy định tại Phụ lục I và Phần A của Phụ lục II”

CƠ CHẾ DIỄN GIẢI

Hàng Việt Nam
phạm vi áp thuế
Điều 301

Thuế công bố
12,5%

Ngoại trừ
Phụ lục I & Phụ
lục II – Phần A

Tác động thực tế
phân hóa theo
mã hàng/ngành

Ý NGHĨA CHÍNH SÁCH

01 | Không áp đồng đều

Thuế 12,5% là mức mặc định sau điều tra, nhưng có danh mục sản phẩm được loại trừ.

02 | Mức chịu thực tế thấp hơn công bố

Tác động phải tính theo cơ cấu mã hàng, không thể nhân 12,5% cho toàn bộ xuất khẩu.

03 | Cơ sở phân hóa ngành

Nhóm nằm trong Phụ lục được miễn trừ; nhóm ngoài Phụ lục chịu áp lực giá và biên lợi nhuận rõ hơn.

(*) nguyên văn trích dẫn: “Impose 12.5 percent tariffs on products of Vietnam, except as provided in Annex I and Annex II, Part A”

Trọng tâm phân tích không chỉ là “mức thuế 12,5%”, mà là phạm vi áp thuế và phạm vi miễn trừ theo từng nhóm hàng.

USTR áp thuế 12,5% với hàng hóa Việt Nam, ngoại trừ các sản phẩm thuộc Phụ lục I và Phụ lục II – Phần A

"12,5% tariffs on products of Vietnam, except as provided in Annex I and Annex II, Part A"
Hàm ý: không phải toàn bộ kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sang Mỹ đều chịu mức thuế công bố 12,5%.

Ít chịu tác động
Điện tử, máy tính, viễn thông, bán dẫn và một số nguyên liệu thiết yếu nằm trong danh sách HTSUS được miễn.

Lưu ý khi sử dụng
Danh mục pháp lý được công bố theo mã HTSUS; cần đối chiếu mã cụ thể, không phải "miễn toàn ngành".

Phạm vi	Nhóm hàng miễn trừ	Mã HTSUS minh họa	Liên quan tới xuất khẩu Việt Nam	Ghi chú
Phụ lục I 9903.05.86	Nông sản & thực phẩm thiết yếu	0801; 0803–0805; 0901–0906...	Hạt điều, dừa, trái cây nhiệt đới, cà phê, chè, hạt tiêu	Một phần nông sản thô ít chịu tác động trực tiếp từ 12,5%
Phụ lục I 9903.05.86	Khoáng sản, nguyên liệu thô & năng lượng	25xx–27xx	Quặng, khoáng sản, dầu khí/nguyên liệu năng lượng	Miễn trừ nhằm tránh thiếu hụt nguồn cung đầu vào tại Mỹ
Phụ lục I 9903.05.86	Hóa chất, dược phẩm & phân bón	28xx–31xx; 2936–2941; 3001–3006	Hóa chất cơ bản, dược chất, vitamin, phân bón	Cần kiểm tra từng mã HTSUS; không đồng nghĩa miễn toàn bộ ngành hóa chất
Phụ lục I 9903.05.86	Cao su, gỗ sơ chế & bột giấy	4001; 4403/4407/4408; 4703	Cao su thiên nhiên, gỗ nguyên liệu/sơ chế, bột giấy	Gỗ sơ chế có thể được bảo vệ; nội thất/gỗ thành phẩm vẫn cần thận trọng
Phụ lục I 9903.05.86	Kim loại, phế liệu & nguyên liệu công nghiệp	7106–7118; 7201–7204; 7401–7405; 7501–7602...	Kim loại quý, phế liệu, thép nguyên liệu, đồng, nickel, nhôm	Một số sản phẩm có thể chịu cơ chế khác như Điều 232/AD-CVD(*)
Phụ lục I 9903.05.86	Máy tính, điện tử & viễn thông	8471; 8473; 8517.13; 8517.62; 8523/8524/8528	Máy tính, linh kiện máy tính, smartphone, thiết bị truyền dữ liệu	Nhóm xuất khẩu công nghệ lớn của Việt Nam được bảo vệ tương đối tốt
Phụ lục I 9903.05.86	Bán dẫn, thiết bị bán dẫn & đo lường	8486; 8541; 8542; 9030/9031	Thiết bị sản xuất bán dẫn, diode/transistor, IC, thiết bị đo kiểm	Củng cố luận điểm doanh nghiệp FDI công nghệ cao và chuỗi bán dẫn ít chịu thuế hơn
Phụ lục II Phần A 9903.05.87	Một số sản phẩm đặc thù	0805.90.01; 0811.90.80; 2009.89.70; 4412.33.57...	Trái cây nhiệt đới đông lạnh, nước dừa/acai, eucalyptus plywood, hạt giống	Phạm vi hẹp hơn Phụ lục I, nhưng có một số mặt hàng phù hợp xuất khẩu Việt Nam

Mức thuế 12,5% là "mức thuế công bố" nhưng tác động thực tế phân hóa mạnh: điện tử– máy tính – bán dẫn ít chịu tác động tương đối, trong khi dệt may, da giày, nội thất/gỗ thành phẩm và một số hàng tiêu dùng không xuất hiện rõ trong danh mục miễn trừ nên vẫn là nhóm cần thận trọng.

(*) AD – Anti-Dumping Duty là thuế chống bán phá giá; CVD – Countervailing Duty là thuế chống trợ cấp.

VIỆT NAM CÓ LỢI THẾ HƠN TRUNG QUỐC, NHƯNG KÉM THUẬN LỢI HƠN MỘT SỐ ASEAN



Câu hỏi FDI chuyển từ “Trung Quốc hay Việt Nam” sang “Việt Nam hay một nước ASEAN khác”.

TRUNG QUỐC

cao hơn đáng kể

VIỆT NAM

12,5%

MALAYSIA / INDONESIA/ CAMPUCHIA

10%



Biên lợi nhuận mỏng

Dệt may, da giày, đồ gỗ nhạy cảm với chênh lệch thuế 2,5 điểm %.



Đơn hàng linh hoạt

Khách hàng Mỹ có thể yêu cầu chia sẻ chi phí hoặc dịch chuyển sang nước thuế thấp hơn.



Lợi thế tương đối

So với Trung Quốc, Việt Nam vẫn giữ vai trò quan trọng trong Trung Quốc+1.

Việt Nam vẫn có lợi thế trước Trung Quốc, nhưng lợi thế trong ASEAN không còn vượt trội như giai đoạn đầu.

Cập nhật theo văn bản chính thức mới nhất: Biện pháp thuế liên quan đến hàng hóa có yếu tố lao động cường bức đã chốt; dư thừa công suất và sở hữu trí tuệ vẫn đang điều tra.

Việt Nam vẫn có lợi thế hơn Trung Quốc, nhưng bất lợi trong ASEAN không chỉ là chênh lệch 2,5 điểm %; riêng dệt may còn chịu rủi ro TRQ (Tariff-Rate Quota – hạn ngạch thuế quan) của đối thủ.

Quốc gia	Thuế 301	Ngành hàng cạnh tranh chính	Hàm ý so với Việt Nam
Malaysia	10%	Điện tử • Cao su • Dầu cọ	Cạnh tranh trong điện tử và một số nguyên liệu; có lợi thế thuế tương đối so với Việt Nam đối với ngành hàng cao su và dầu cọ.
Indonesia	10%	Dệt may • Giày dép • Dầu cọ	Cạnh tranh trực tiếp trong ngành hàng dệt may và giày dép; chênh lệch thuế có thể ảnh hưởng đơn hàng gia công.
Campuchia	10%	Dệt may • Giày dép	Cạnh tranh ở phân khúc thâm dụng lao động, đơn hàng cơ bản và nhạy cảm về giá.
Thái Lan	12,5%	Ô tô • Điện tử • Thực phẩm	Cùng nhóm thuế với Việt Nam; cạnh tranh ở điện tử và thực phẩm, nhưng khác trọng tâm xuất khẩu (Thái Lan tập trung nhiều hơn vào ô tô – linh kiện, thiết bị điện, đồ gia dụng và thực phẩm chế biến; trong khi Việt Nam tập trung nhiều hơn vào điện thoại, máy tính, dệt may, giày dép, gỗ và thủy sản).
Philippines	12,5%	Điện tử • Nông sản	Cùng nhóm thuế; cạnh tranh trong điện tử và một số nông sản, quy mô thấp hơn Việt Nam.
Việt Nam	12,5%	Dệt may • Điện tử • Giày dép • Gỗ • Thủy sản	Danh mục xuất khẩu rộng; áp lực tập trung ở các nhóm ngoài miễn trừ như dệt may, da giày, gỗ và thủy sản.

01 | Chênh lệch thuế

Nhóm 10% có lợi thế giá tương đối trong các ngành có độ biến động cao về chi phí; tác động rõ hơn với đơn hàng gia công biên mỏng.

02 | Cạnh tranh ngành

Việt Nam cạnh tranh với **Indonesia và Campuchia** ở dệt may, giày dép, nơi chênh lệch thuế 2,5 điểm % có thể ảnh hưởng đến các đơn hàng có độ biến động cao về giá. Với **Malaysia, Philippines và Thái Lan**, nhiều linh kiện và thiết bị điện tử thuộc danh mục loại trừ thuế, nên cạnh tranh chủ yếu không nằm ở mức thuế mà ở hệ sinh thái nhà cung cấp, tỷ lệ nội địa hóa, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng, khả năng truy xuất xuất xứ và thu hút FDI. **Malaysia và Philippines** có lợi thế về bán dẫn, đóng gói – kiểm định và linh kiện điện tử; **Thái Lan** nổi trội ở thiết bị điện, điện tử ô tô, công nghiệp hỗ trợ và thực phẩm chế biến.

USTR dự kiến thiết lập hạn ngạch thuế quan 3 năm cho Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia; phần hàng đủ điều kiện có thể vào Mỹ không chịu Điều 301.

12,5%
VIỆT NAM
Không nằm trong cơ chế TRQ dệt may

10%
ĐỐI THỦ NGOÀI HẠN NGẠCH
• Bangladesh • Campuchia • Indonesia • Malaysia

0%
TRONG HẠN NGẠCH TRQ
Phần đủ điều kiện không chịu Điều 301

Chênh lệch không chỉ là 2,5 điểm %: với phần hàng nằm trong hạn ngạch, lợi thế thuế của đối thủ có thể mở rộng.

01 | CƠ CHẾ TRQ DỆT MAY

- 1 Đối tượng được hưởng
Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia; Việt Nam không xuất hiện trong nhóm này.
- 2 Điều kiện vận hành
Quy mô hạn ngạch dựa trên việc nhập khẩu đầu vào Hoa Kỳ, gồm bông, hàng dệt và nguyên liệu liên quan.
- 3 Ưu đãi trong hạn ngạch
Một khối lượng dệt may cụ thể có thể nhập khẩu vào Mỹ mà không chịu thuế Điều 301.
- 4 Thời điểm áp dụng
Chưa tự động có hiệu lực; USTR sẽ công bố quy mô, mã hàng và ngày hiệu lực trên Công báo Liên bang Hoa Kỳ.

02 | CHÊNH LỆCH THUẾ THỰC TẾ

ĐƠN HÀNG DỆT MAY VÀO MỸ

VIỆT NAM
12,5% Điều 301

ĐỐI THỦ NGOÀI HẠN NGẠCH
10,0% Điều 301

ĐỐI THỦ TRONG TRQ
0% Điều 301

03 | KẾT LUẬN

- 1 Tách riêng dệt may
Dệt may không chỉ chịu chênh lệch 12,5% so với 10%; cơ chế hạn ngạch tạo lợi thế riêng cho một số đối thủ.
- 2 Theo dõi quy mô hạn ngạch
Mức độ bất lợi phụ thuộc khối lượng được miễn Điều 301, mã HTSUS và điều kiện sử dụng đầu vào Hoa Kỳ.
- 3 Áp lực đơn hàng cơ bản
Tác động rõ hơn ở phân khúc gia công, biên mỏng, dễ chuyển đơn sang Campuchia, Indonesia hoặc Bangladesh.
- 4 Hàm ý cho Việt Nam
Cần chứng minh xuất xứ, tăng tỷ lệ nội địa hóa và theo dõi khả năng đàm phán cơ chế tương tự hoặc ngoại lệ ngành.

Trong dệt may, bất lợi của Việt Nam không chỉ đến từ chênh lệch thuế 2,5 điểm %, mà còn từ cơ chế TRQ dự kiến có thể giúp Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia miễn Điều 301 cho hàng trong hạn ngạch, qua đó làm gia tăng đáng kể rủi ro dịch chuyển đơn hàng.

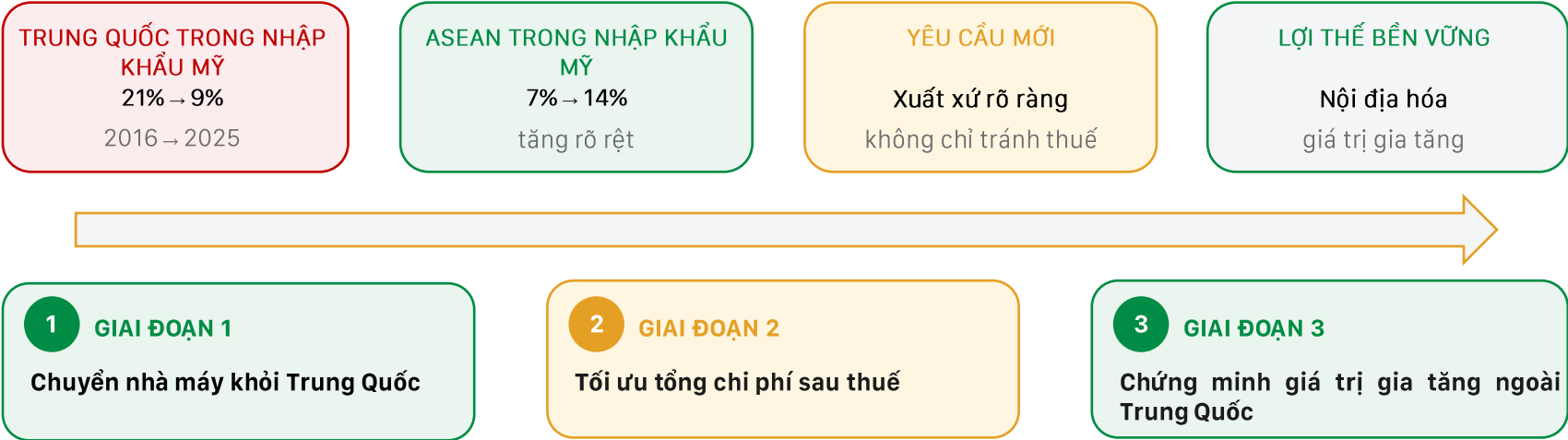
TRQ: Tariff-Rate Quota - hạn ngạch thuế quan

Nguồn: Thông báo hành động cuối cùng của USTR theo Điều 301, 23/07/2026; Reuters, 24/07/2026; Nghiên cứu OCBS. Ghi chú: TRQ là cơ chế dự kiến khi khả thi, chưa đồng nghĩa hạn ngạch đã có hiệu lực ngay.

TRUNG QUỐC+1 VẪN TIẾP DIỄN, NHƯNG KHÔNG CÒN LÀ CÂU CHUYỆN MỘT CHIỀU



ASEAN cùng hưởng lợi từ tái phân bổ chuỗi cung ứng, khiến cạnh tranh nội khối tăng lên.



Việt Nam cần nâng cấp từ lắp ráp sang sản xuất có chiều sâu để tiếp tục là điểm đến sản xuất Trung Quốc+1 dẫn đầu trong ASEAN.

Năm 2025, Việt Nam chiếm khoảng 42,7% tổng nhập khẩu của Mỹ từ ASEAN, với 193,9 tỷ USD; cao hơn Thái Lan 91,3 tỷ USD, Malaysia 59,7 tỷ USD, Indonesia 34,7 tỷ USD, Philippines 17,8 tỷ USD và Campuchia 15,3 tỷ USD. Quy mô của Việt Nam thậm chí nhỉnh hơn tổng kim ngạch của Thái Lan, Malaysia và Indonesia cộng lại, cho thấy khoảng cách dẫn đầu không chỉ đến từ một vài dự án riêng lẻ.

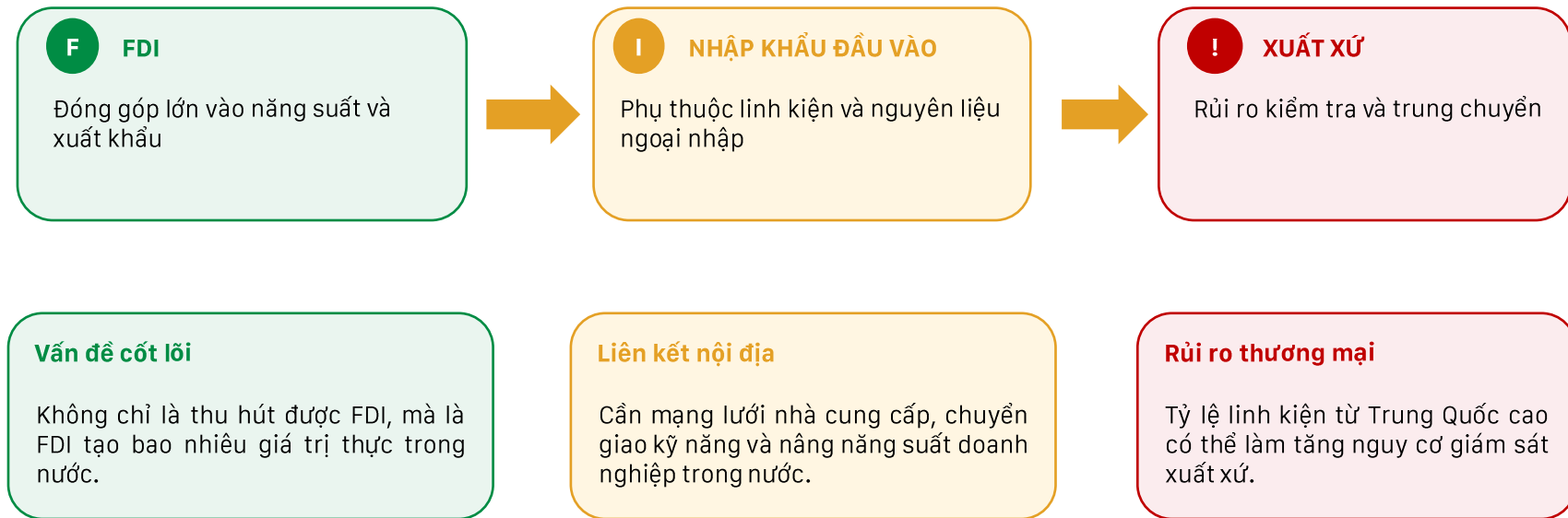
Nhập khẩu hàng hóa của Mỹ từ Việt Nam tăng từ 42,1 tỷ USD năm 2016 lên 193,9 tỷ USD năm 2025, tương đương gấp 4,6 lần và tăng trưởng bình quân khoảng 18,5%/năm. Đây là bằng chứng trực tiếp cho thấy Việt Nam đã hấp thụ một phần đáng kể đơn hàng và công suất sản xuất được phân bổ lại khỏi Trung Quốc

Nguồn: U.S. Census Bureau/USITC DataWeb; Nghiên cứu OCBS.

DOANH NGHIỆP FDI ĐÓNG GÓP LỚN CHO XUẤT KHẨU, NHƯNG LIÊN KẾT NỘI ĐỊA CÒN HẠN CHẾ



Liên kết nội địa còn hạn chế: mức độ doanh nghiệp FDI sử dụng nhà cung cấp, lao động, dịch vụ và năng lực sản xuất trong nước, qua đó tạo thêm giá trị gia tăng cho nền kinh tế Việt Nam -> Tỷ lệ nội địa hóa là yêu cầu chiến lược, không chỉ là vấn đề giá trị gia tăng.



Lợi thế bền vững không nằm ở lắp ráp, mà ở mức độ phát triển của hệ sinh thái nhà cung cấp nội địa.

TÁC ĐỘNG NGÀNH: PHÂN HÓA THAY VÌ TIÊU CỰC DIỆN RỘNG



Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ, biên lợi nhuận và khả năng chuyển chi phí.

ÁP LỰC CAO

Dệt may

biên 3–10%, cạnh tranh giá

Da giày

rủi ro dịch chuyển gia công

Gỗ / nội thất

Mỹ chiếm tỷ trọng cao

Thủy sản

Chịu thêm áp lực từ thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp

VỊ THẾ ÍT CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP HƠN

Điện tử

miễn trừ và vai trò chiến lược

Máy tính

nguồn cung khó thay thế

Bán dẫn

FDI công nghệ cao

Viễn thông

chuỗi cung ứng thiết yếu

3 biến số quyết định tác động thực tế

- Tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ
- Khả năng chuyển chi phí sang khách hàng
- Mức độ cạnh tranh với quốc gia ASEAN khác

Cơ hội không mất đi, nhưng dịch chuyển từ “ngành hưởng lợi chung” sang doanh nghiệp có năng lực định vị và tuân thủ tốt.

KẾT LUẬN: TỪ "TRUNG QUỐC+1" SANG "VALUE-ADDED VIETNAM"



Không triệt tiêu lợi thế của Việt Nam, nhưng nâng tiêu chuẩn để Việt Nam tiếp tục hưởng lợi.

TRUNG QUỐC+1



VALUE-ADDED VIETNAM

Nội địa hóa

tỷ lệ giá trị trong nước cao hơn

Xuất xứ

chứng minh nguồn gốc rõ ràng

Nhà cung cấp

hệ sinh thái nội địa tích hợp sâu hơn

Chất lượng FDI

không chỉ nhập – lắp ráp – tái xuất

Công nghệ cao

tham gia mắt xích có giá trị lớn hơn



Cơ hội tập trung vào các ngành và doanh nghiệp tạo giá trị gia tăng thực chất, thay vì chỉ đóng vai trò trung gian lắp ráp trong chuỗi cung ứng khu vực.

Việt Nam vẫn là điểm đến quan trọng, nhưng lợi thế bền vững phải đến từ năng lực sản xuất có chiều sâu.

THUẾ ĐIỀU 301: PHÂN TÍCH KỊCH BẢN KHI BỊ ÁP THÊM THUẾ DƯ THỪA CÔNG SUẤT (1/2)



Phân tích kịch bản cho thấy mức thuế tổng hợp lên xuất khẩu sang Mỹ ở mức từ 12,3%-13,3% nhưng phân hóa mạnh: Điện tử 4,10% so với Dệt may 42,37% và Giày dép 37,89%.

Ngành	Giá trị xuất khẩu vào Mỹ 5T/2026 (tỷ USD)	Tỷ trọng	Thuế MFN	Thuế Section 232	Kim ngạch xuất khẩu chịu thuế	Tỷ trọng chịu thuế 301	Thuế 301 lao động cưỡng bức	Thuế 301 dư thừa công suất		Thuế 301 tổng		Thuế tổng	
								10%	12,50%	10%	12,50%	10%	12,50%
Điện tử/máy tính/viên thông	65,03	65,45%	0,15%	0,00%	10,28	15,80%	1,98%	1,58%	1,98%	3,56%	3,95%	3,71%	4,10%
Máy móc/thiết bị/phụ tùng	5,12	5,16%	1,17%	0,00%	5,12	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	23,67%	26,17%
Dệt may/nguyên liệu	7,03	7,07%	17,37%	0,00%	7,03	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	39,87%	42,37%
Giày dép/túi xách/phụ kiện	5,28	5,32%	12,89%	0,00%	5,28	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	35,39%	37,89%
Gỗ/nội thất/mây tre	5,82	5,86%	0,83%	5,65%	4,50	77,24%	9,66%	7,72%	9,66%	17,38%	19,31%	23,86%	25,80%
Thủy sản	0,57	0,58%	0,96%	0,00%	0,57	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	23,46%	25,96%
Thép/kim loại/sản phẩm	1,55	1,56%	1,99%	20,11%	0,38	24,39%	3,05%	2,44%	3,05%	5,49%	6,10%	27,59%	28,20%
Nhựa/cao su/hóa chất/giấy	3,57	3,59%	3,33%	0,00%	3,52	98,53%	12,32%	9,85%	12,32%	22,17%	24,63%	25,50%	27,96%
Nông nghiệp/thực phẩm	1,52	1,53%	1,11%	0,00%	0,53	34,86%	4,36%	3,49%	4,36%	7,84%	8,71%	8,95%	9,82%
Phương tiện vận tải/phụ tùng	0,73	0,73%	2,44%	0,00%	0,73	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	24,94%	27,44%
Hàng tiêu dùng/vật liệu khác	2,42	2,43%	1,42%	0,00%	2,42	100,00%	12,50%	10,00%	12,50%	22,50%	25,00%	23,92%	26,42%
Năng lượng	0,00	0,00%	0,03%	0,00%	0,00	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,03%	0,03%
Khác	0,71	0,71%	3,18%	0,00%	0,70	98,08%	12,26%	9,81%	12,26%	22,07%	24,52%	25,25%	27,70%
TỔNG(**)	99,36	100%	2,37%	0,65%	41,05	41,31%	5,16%	4,13%	5,16%	9,30%	10,33%	12,31%	13,34%

(*)MFN là viết tắt của Most-Favoured-Nation, thuế MFN là mức thuế nhập khẩu thông thường mà một quốc gia áp dụng cho hàng hóa từ các thành viên WTO, khi không có ưu đãi đặc biệt từ hiệp định thương mại tự do.

- NỘI DUNG PHÂN TÍCH MÔ PHÒNG ĐỘ NHẠY THEO GIÁ ĐỊNH OCBS**
- 1. Giá trị xuất khẩu**
- Giá trị xuất khẩu vào Mỹ trong 5 tháng đầu năm 2026 với tỷ trọng lớn nhất nằm ở Điện tử/máy tính/viên thông cũng là ngành ít chịu tác động thuế nhất.
- 2. Thuế MFN được tính theo tỷ trọng giá trị xuất khẩu các mặt hàng chịu thuế**
- Ở mức thuế MFN thì Dệt may/nguyên liệu và Giày dép/túi xách/phụ kiện chịu mức thuế cao nhất do toàn bộ các mặt hàng trong ngành đều bị đánh thuế. Trái ngược với Điện tử/máy tính/viên thông là ngành có các mặt hàng ít bị đánh thuế nhất
- 3. Thuế Section 232 không phải một mức thuế cố định, mà là Điều 232 của Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962 của Mỹ**
- 4. Thuế 301 lao động cưỡng bức được tính theo tỷ trọng giá trị xuất khẩu các mặt hàng chịu thuế (đã loại trừ các mặt hàng được miễn trừ)**
- Dệt may/nguyên liệu và Giày dép/túi xách/phụ kiện tiếp tục là nhóm ngành hàng bị áp thuế cao nhất
- 5. Thuế 301 dư thừa công suất được xây dựng dựa trên 2 kịch bản là 10% và 12,5% với tỷ trọng các mặt hàng bị áp thuế tương tự thuế lao động cưỡng bức**
- 6. Thuế tổng là mức thuế được cộng gồm thuế MFN + 2 lớp thuế 301 + thuế 232**

ĐIỀU TRA DƯ THỪA CÔNG SUẤT

- 1

Phạm vi

Tập trung theo ngành/mã hàng có dấu hiệu dư cung, giá thấp hoặc tăng xuất khẩu bất thường.
- 2

Lấy ý kiến

Doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan Mỹ nộp bình luận, dữ liệu và phản biện.
- 3

Đề xuất biện pháp

Có thể là thuế bổ sung, danh mục miễn trừ, lộ trình hiệu lực hoặc cơ chế rà soát.
- 4

Quyết định cuối

Mức thuế thực tế phụ thuộc phạm vi HTSUS, ngưỡng miễn trừ và thời điểm áp dụng.

41,3%

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU SANG MỸ CHỊU THUẾ

- 01

Miễn trừ làm giảm phạm vi chịu thuế

Cơ sở chịu Điều 301 còn 41,05 tỷ USD, tương đương 41,3% kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ. Riêng điện tử chiếm 65,5% kim ngạch nhưng chỉ 15,8% cơ sở chịu thuế 301.
- 02

Rủi ro không phân bổ đều

Mức thuế bình quân trong mô phỏng toàn bộ kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ là 12,3%–13,3%, nhưng nhóm dệt may/da giày cao hơn nhiều do gần như không có lớp miễn trừ.

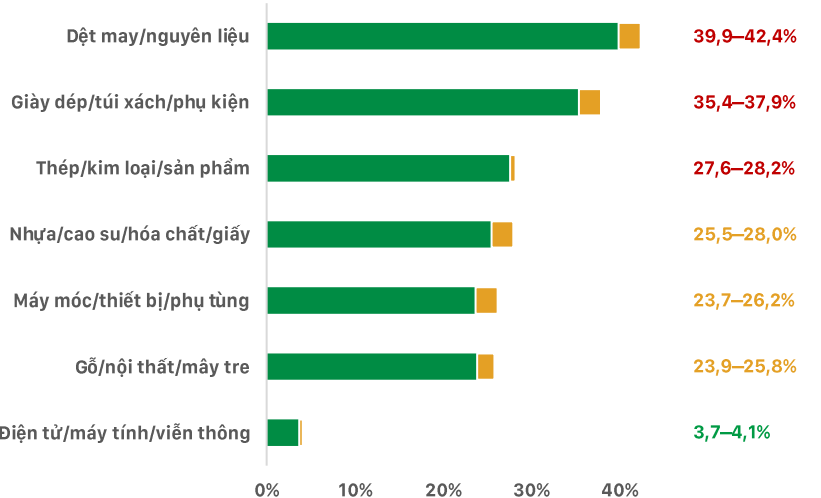
12,3%–13,3%

BIẾN ĐỘ MÔ PHỎNG ĐỘ NHẠY THEO GIÁ ĐỊNH OCBS THUẾ LÊN TỔNG THỂ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU SANG MỸ

3,7%–42,4%

BIẾN ĐỘ THUẾ TỔNG THỂ THEO NGÀNH

Kịch bản thuế tổng quan sau dư thừa công suất 10%–12,5%; và lao động cưỡng bức 12,5% trên cơ sở chịu 301 sau miễn trừ.



Mức thuế bình quân đối với hàng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ có thể ở mức 12,3%–13,3%, nhưng tác động phân hóa mạnh theo ngành. Điện tử chỉ chịu khoảng 3,71%–4,10% nhờ nhiều mã được miễn trừ, trong khi dệt may có thể chịu khoảng 40%–42%, và da giày khoảng 35%–38% do MFN nền cao và gần như toàn bộ kim ngạch thuộc phạm vi chịu Điều 301. Vì vậy, cần đánh giá theo từng mã HTS10 và từng ngành thay vì chỉ nhìn mức thuế bình quân.

DỆT MAY VÀ DA GIÀY GẦN NHƯ KHÔNG ĐƯỢC MIỄN TRỪ

Dệt may và da giày gần như không được miễn trừ vì danh mục của USTR ưu tiên nguyên liệu thiết yếu, sản phẩm công nghệ và các mặt hàng có nguy cơ gây gián đoạn nguồn cung Hoa Kỳ, thay vì hàng tiêu dùng hoàn chỉnh.

Đồng thời, bông, sợi và may mặc là chuỗi cung ứng có rủi ro lao động cưỡng bức cao và khó truy xuất đến cấp nguyên liệu, nên Hoa Kỳ duy trì thuế như công cụ tạo sức ép về xuất xứ và nguồn cung.

Hoa Kỳ dự kiến dành cho Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia một lượng hạn ngạch dệt may nhất định. Quy mô hạn ngạch của từng nước sẽ được xác định dựa trên lượng bông, sợi, vải hoặc đầu vào dệt may của Hoa Kỳ mà nước đó nhập khẩu. Mục tiêu là khuyến khích các nước này sử dụng nguyên liệu Mỹ và giảm phụ thuộc vào nguồn đầu vào có nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức.

30/04

VIỆT NAM BỊ XẾP LOẠI “QUỐC GIA ƯU TIÊN”

Cấp phân loại nghiêm trọng trong Báo cáo Đặc biệt 301

29/05

MỞ ĐIỀU TRA ĐIỀU 301

USTR đề xuất sơ bộ: có thể thuộc diện hành động

29/11E

HẠN KẾT LUẬN 6 THÁNG

Có thể gia hạn thêm tối đa 3 tháng

Khác với dư thừa công suất, rủi ro sở hữu trí tuệ chưa đủ ba dữ kiện để lượng hóa: hình thức hành động, phạm vi mã hàng và cách xử lý chống lẩn với các lớp thuế đã có. Tuy nhiên, việc Việt Nam bị xếp vào nhóm “quốc gia ưu tiên” làm gia tăng đáng kể khả năng USTR đưa ra biện pháp chính sách.

01 | CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

1

Cấp độ pháp lý cao hơn

“Quốc gia ưu tiên” là ngưỡng nghiêm trọng hơn danh sách theo dõi thông thường.

2

Đã có đề xuất sơ bộ của USTR

USTR nêu khả năng xác định hành vi của Việt Nam thuộc diện hành động theo Điều 301(b).

3

Chưa có danh mục áp thuế

Chưa có cơ sở đưa ra kịch bản cơ sở khi chưa biết mức thuế, mã hàng và phạm vi ròng bị bao phủ.

4

Biện pháp không nhất thiết là thuế

Kết quả có thể là tham vấn/cải cách, thuế chọn lọc hoặc biện pháp phi thuế.

02 | TRỌNG TÂM ĐIỀU TRA CỦA USTR(*)

BẢN QUYỀN TRỰC TUYẾN

nội dung số, website vi phạm bản quyền

HÀNG GIẢ

chợ truyền thống, sàn TMDT, livestream

THỰC THI BIÊN GIỚI

hàng giả / vi phạm IP tại cửa khẩu

PHẦN MỀM KHÔNG GIẤY PHÉP

người dùng doanh nghiệp

TÍN HIỆU CÁP & VỆ TINH

thiếu biện pháp hình sự rõ ràng

Hàm ý: Không phân loại rủi ro sở hữu trí tuệ theo ngành xuất khẩu trước khi USTR công bố danh mục mã hàng. Danh mục thuế trả đũa có thể được thiết kế để tạo sức ép đàm phán và không nhất thiết trùng với ngành trực tiếp liên quan đến vi phạm sở hữu trí tuệ.

KẾT LUẬN TÁC ĐỘNG & RỦI RO SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Chưa nên cộng thêm một lớp thuế sở hữu trí tuệ vào kịch bản cơ sở do chưa có biện pháp, mức thuế và danh mục mã hàng. Tuy nhiên, việc Việt Nam bị xác định là quốc gia ưu tiên và USTR đã mở điều tra khiến rủi ro chính sách không còn thấp.

Tác động chính trong ngắn hạn là tăng chi phí tuân thủ, rủi ro pháp lý và áp lực đàm phán thương mại; rủi ro lớn hơn sẽ xuất hiện nếu USTR chuyển sang thuế chọn lọc hoặc biện pháp phi thuế trong giai đoạn cuối năm 2026—đầu 2027.

(*)USTR là viết tắt của United States Trade Representative, tiếng Việt thường gọi là Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ.

Danh mục miễn trừ tập trung vào nhóm hàng Mỹ phụ thuộc nhập khẩu hoặc có nguy cơ gây gián đoạn kinh tế

Kim ngạch xuất khẩu thuộc nhóm công nghệ, trong đó nhiều mã hàng nằm trong danh mục miễn trừ

Trọng tâm: • Điện tử • Máy tính • Bán dẫn • Viễn thông

Ít chịu tác động trực tiếp hơn

Điện tử / máy tính
Bán dẫn / viễn thông

Trung tính/ Chọn lọc

Nông sản thô
Năng lượng / nguyên liệu
Hàng đã chịu Điều 232
Doanh nghiệp nội địa

Áp lực cao hơn

Dệt may
Da giày
Gỗ & nội thất
Thủy sản chịu AD/CVD(*)

BỘ CHỈ TIÊU CẦN THEO DÕI

01

Nội địa hóa

tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước

02

Hàm lượng Trung Quốc

nguồn gốc linh kiện / vốn / nguyên liệu

03

Quy tắc xuất xứ

khả năng chứng minh xuất xứ

04

Chất lượng FDI

liên kết với nhà cung cấp nội địa

Tác động Điều 301 không phải cú sốc diện rộng; rủi ro tập trung vào nhóm ngoài danh mục miễn trừ, biên lợi nhuận mỏng và dễ bị thay thế bởi đối thủ ASEAN.

(*) AD – Anti-Dumping Duty là thuế chống bán phá giá; CVD – Countervailing Duty là thuế chống trợ cấp.

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU